

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2024/HS-ST

Ngày: 19/12/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Tùng
2. Ông Trần Văn Hồ

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lại Đức Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2024/TLST-HS ngày 11/11/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXXST-HS ngày 28/11/2024 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án số 13/2024/TB-TA ngày 04/12/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số C, ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1972; bị cáo từng có vợ tên Lê Thị Hồng H1, sinh năm 1985 (đã ly hôn); bị cáo chưa có con; tiền án: ngày 28/12/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” (Bản án Hình sự sơ thẩm Số 79/2021/HS-ST, chấp hành xong bản án ngày 06/12/2022); tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 16/11/2020 bị Công an thành phố B xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Quyết định Số 342/QĐ-XPHC).

- Ngày 28/6/2021 bị Công an xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định Số 000355/QĐ-XPHC, chưa đóng phạt).

- Ngày 04/7/2021 bị Công an xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” (Quyết định Số 04851/QĐ-XPHC, chưa đóng phạt).

- Ngày 19/7/2021 bị Công an xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 1.500.000 đồng và phạt bổ sung tịch thu số tiền 750.000 đồng về hành vi “Đánh bạc” (Quyết định Số 00367/QĐ-UB, chưa đóng phạt).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/7/2024 cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại:*

1. Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

2. Nguyễn Duy K1, sinh năm 2001; nơi cư trú: ấp G, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt.

3. Nguyễn Văn K2, sinh năm 2001; nơi cư trú: số H, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

4. Đoàn Văn T1, sinh năm 1991; nơi cư trú: số F, ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

5. Nguyễn Thanh S, sinh năm 2000; nơi cư trú: ấp V, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1980; nơi cư trú: số F, đường C, khu phố G, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

2. Huỳnh Công N, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp B, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt

3. Tăng Quốc B, sinh năm 1984; nơi cư trú: số A, khu phố C, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

4. Huỳnh Hữu D, sinh năm 1997; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 04/7/2024 đến ngày 17/7/2024 Nguyễn Văn H đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã S và Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 04/7/2024, Nguyễn Văn H đi ngang qua Nhà thờ M ở ấp B, xã B thành phố B phát hiện bên trong khuôn viên sân Nhà thờ có xe mô tô Biển số 84H1-028.18 của chị Nguyễn Thị Kiều T là người đi sinh hoạt tại nhà thờ, trên xe vẫn để chìa khóa khởi động nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt. Hồng quan sát thấy không có người trông coi xe nên H vào lấy xe nổ máy chạy về hướng Phường E, thành phố B, sau đó đến gặp nam thanh niên tên B1 (không rõ tên và địa chỉ cụ thể) ở khu vực trước cổng Bệnh viện Đ1, Bến Tre bán xe với giá 1.500.000 đồng. Cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản.

Hiện trường xảy ra vụ án tại khu vực nhà để xe của Nhà thờ M ở ấp B, xã B thành phố B. Hướng Bắc giáp vườn cây, hướng Nam giáp đường N (Phường G), hướng Đông và hướng Tây giáp nhà dân.

Tại Kết luận định giá tài sản Số 760/KL-HĐĐG ngày 19/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) xe mô tô Biển số 84H1-028.18, nhãn hiệu HONDA, số loại Wave, màu đen - bạc, đã qua sử dụng trị giá tài sản ngày 04/7/2024 là 7.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 02 giờ 05 phút ngày 05/7/2024, Nguyễn Văn H đi bộ đến khu vực nhà trọ số 334E ở khu phố M, Phường G, thành phố B phát hiện xe mô tô Biển số 68E1-056.71 của Nguyễn Duy K1 dựng ở phòng trọ số 8 (nơi anh K1 thuê để ở) không có người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. H vào dắt xe ra khỏi nhà trọ tháo dây điện nổ máy xe chạy về Phường E, thành phố B, sau đó đến gặp nam thanh niên tên B1 (không rõ tên và địa chỉ cụ thể) ở khu vực trước cổng Bệnh viện Đ1, Bến Tre bán xe với giá 1.500.000 đồng. Cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản.

Hiện trường vụ án xảy ra tại Phòng trọ Số H, Nhà T, khu phố M, Phường G, thành phố B do bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1958, ĐKTT: Số C, khu phố M, Phường G, thành phố B làm chủ. Hướng Bắc giáp hàng rào, cách đường hẻm 02m, hướng Đông giáp đường hẻm, hướng Nam và hướng Tây giáp các phòng trọ liền kề.

Tại Kết luận định giá tài sản Số 733/KL-HĐĐG ngày 13/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) xe mô tô Biển số 68E1-056.71, nhãn hiệu WAND, số loại 100X, màu xanh, đã qua sử dụng trị giá tài sản ngày 04/7/2024 là 4.200.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 02 giờ 05 phút ngày 11/7/2024 H đi chơi ngang qua nhà trọ tháng Hồng Nhi ở số F, Ấp A, xã S, thành phố B (do bà Nguyễn Thị Phương T3 làm chủ) phát hiện xe mô tô Biển số 71C-528.44, nhãn hiệu HONDA, số loại: FUTURE, màu trắng của anh Nguyễn Văn K2 đang dựng trước cửa phòng T5 (nơi anh K2 thuê) của nhà trọ, không có người trông coi nên H vào dắt trọ dẫn xe mô tô Biển số 71C-528.44 ra ngoài, tháo dây điện nổ máy xe chạy về Phường E, thành phố B. H đem xe đến trước cổng Bệnh viện Đ1, tỉnh Bến Tre gặp nam thanh niên tên Ba bán xe cho ông B1 với giá 2.000.000 đồng. Cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản. Hiện trường xảy ra vụ án tại phòng trọ số E, nhà T ở số F, Ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Hướng Bắc giáp đường hẻm bê tông, Hướng Đ, hướng Tây và Hướng N là các phòng trọ liền kề.

Tại Kết luận định giá tài sản Số 519/KL-HĐĐG ngày 18/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) xe mô tô Biển số 71C-528.44, nhãn hiệu HONDA, số loại Future, màu trắng, đã qua sử dụng trị giá tài sản ngày 11/7/2024 là 29.400.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 02 giờ 05 phút ngày 15/7/2024, H đi chơi qua hẻm quán K3. Khi đến nhà trọ thuê tháng ở số A, khu phố B, Phường F (do bà Trần Thị Kha L2 làm chủ) H phát hiện xe mô tô Biển số 71B3-377.74, nhãn hiệu LUXARY, màu đen xám của anh Đoàn Văn T1 đang dựng trước cửa phòng số 5 (nơi anh T1 thuê để ở) không có người trông coi nên H vào dắt trọ dẫn xe mô tô ra ngoài sau đó tháo dây

điện nổ máy xe chạy qua xã T, huyện M gặp đối tượng Huỳnh Hữu D (D) gạt bán xe với giá 800.000 đồng, D đồng ý mua xe và trả đủ tiền cho H.

Hiện trường vụ án xảy ra tại trước P, N1 cho thuê tháng ở Số A, khu phố B, Phường F, thành phố B. Hướng Đông giáp đường hẻm bê tông; Các hướng Bắc, hướng N2 và hướng Tây giáp nhà dân.

Vật chứng thu giữ do Nguyễn Hữu D1 giao nộp: 01 (một) xe mô tô Biển số 71B3-377.74, nhãn hiệu LUXARY, số loại 110, màu đen xám, số máy: VAVLC1525FMH108901, Số khung: RMNDCH6MN5H006901.

Tại Kết luận định giá tài sản Số 522/KL-HĐĐG ngày 18/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) xe mô tô Biển số 71B3-377.74, nhãn hiệu LUXARY, màu đen xám, đã qua sử dụng trị giá tài sản ngày 15/7/2024 là 2.500.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 04 giờ 05 phút ngày ngày 17/7/2024, H đi chơi ngang qua nhà trọ tháng Hồng N3 (do bà Nguyễn Thị Phương T3 làm chủ) phát hiện xe mô tô Biển số 69E1-367.73, nhãn hiệu HONDA, số loại: WINNER, màu hồng của anh Nguyễn Thanh S đang dựng trước cửa Phòng trọ Số 12 (nơi anh S thuê), không có trông coi nên H vào dây trọ dẫn xe mô tô ra ngoài, tháo dây điện nổ máy xe chạy xuống Tiệm game bắn cá không tên ở số C, T, Phường E, thành phố B do Đoàn Phi Các T4 làm chủ chơi game sau đó H đem xe cầm cho một nam thanh niên ở tiệm game (không rõ tên và địa chỉ cụ thể) với giá 1.000.000 đồng. H đến phường A, thành phố B gặp Nguyễn Thanh T2 nhờ T2 đi bán xe dùm với giá 2.200.000 đồng và nhờ T2 đến tiệm game chuộc xe ra bán. T2 không trực tiếp đi chuộc xe mà đưa cho Huỳnh Công N, (bạn của T2) số tiền 1.200.000 đồng để N đến tiệm game chuộc xe và nhờ N đem xe đi bán dùm. N đem xe đến bán cho Tăng Quốc B với giá 4.500.000 đồng. N đưa T2 4.500.000 đồng, T2 đưa cho H 1.200.000 đồng do đã trừ lại 1.000.000 đồng tiền chuộc xe, T2 cho N 500.000 đồng còn lại T2 hưởng lợi 1.800.000 đồng.

Hiện trường vụ án xảy ra tại Phòng trọ Số A, nhà trọ Hồ N ở Số F, Ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Hướng Bắc giáp đường hẻm bê tông, Hướng Đ, hướng Tây và Hướng N là các phòng trọ liền kề.

Vật chứng thu giữ: Do Tăng Quốc B giao nộp: 01 (một) xe mô tô Biển số 69E1-367.73, nhãn hiệu HONDA, số loại WINER, màu Hồng, số máy: KC26E1172481, Số khung: RLHKC2605GY326312; Nguyễn Văn H giao nộp: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen, model M2101K7BG, đã qua sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản Số 555/KL-HĐĐG ngày 18/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) xe mô tô Biển số 69E1-367.73, nhãn hiệu HONDA, số loại WINER, màu hồng, đã qua sử dụng trị giá ngày 17/7/2024 là 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng Cơ quan điều tra: Trả lại cho bị hại Đoàn Văn T1 01 (một) xe mô tô Biển số 71B3-377.74, nhãn hiệu LUXARY, màu H, Số loại 110, Số máy: KC26E1172481, Số khung: RLHKC2605GY326312. Bị hại T1 không yêu cầu bồi thường gì khác. Trả lại cho bị hại Nguyễn Thanh S 01 (một) xe mô tô Biển số 69E1-

367.73, nhãn hiệu HONDA, màu hồng, số loại WINER, Số máy: KC26E1172481, Số khung: RLHKC2605GY326312. Bị hại S không yêu cầu bồi thường gì khác.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Kiều T yêu cầu H bồi thường giá trị của xe mô tô Biển số 84H1-028.18 số tiền 7.000.000 đồng; bị hại Nguyễn Văn K2 yêu cầu H bồi thường giá trị của xe mô tô Biển số 71C-528.44 số tiền 29.400.000 đồng; bị hại Nguyễn Duy K1 yêu cầu H bồi thường giá trị của xe mô tô Biển số 68E1-056.71 số tiền 4.200.000 đồng, bị cáo chưa bồi thường. Người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan Tăng Quốc B không yêu cầu H bồi thường lại số tiền 4.500.000 đồng do mua xe mô tô Biển số 69E1-367.73 sau đó bị Cơ quan điều tra thu hồi. Người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan Nguyễn Hữu D1 không yêu cầu H bồi thường lại số tiền 800.000 đồng do mua xe mô tô Biển số 71B3-377.74 sau đó bị Cơ quan điều tra thu hồi.

Đối với số tiền 1.800.000 là tiền thu lợi bất chính do Nguyễn Thanh T2 hưởng lợi từ việc bán xe mô tô Biển số 69E1-367.73 buộc T2 có nghĩa vụ giao nộp để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 500.000 đồng là tiền thu lợi bất chính do Huỳnh Công N hưởng lợi từ việc bán xe mô tô Biển số 69E1-367.73 buộc N có nghĩa vụ giao nộp để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen, model M2101K7BG, đã qua sử dụng (của bị cáo) chưa xử lý.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn H khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại cáo trạng số 90/CT-VKSTPBT ngày 11/11/2014 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính: áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận : Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giao trả cho: bị hại Đoàn Văn T1 01 (một) xe mô tô Biển số 71B3-377.74, nhãn hiệu LUXARY, màu H, Số loại 110, Số máy: KC26E1172481, Số khung: RLHKC2605GY326312. Trả lại cho bị hại Nguyễn Thanh S 01 (một) xe mô tô Biển số 69E1-367.73, nhãn hiệu HONDA, màu hồng, số loại WINER, Số máy: KC26E1172481, Số khung: RLHKC2605GY326312. Bị hại T1, bị hại S không yêu cầu bồi thường gì khác.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Kiều T yêu cầu H bồi thường giá trị của xe mô tô Biển số 84H1-028.18 số tiền 7.000.000 đồng; bị hại Nguyễn Văn K2 yêu cầu H bồi thường giá trị của xe mô tô Biển số 71C-528.44 số tiền 29.400.000 đồng; bị hại Nguyễn Duy K1 yêu cầu H bồi thường giá trị của xe mô tô Biển số 68E1-056.71 số tiền 4.200.000 đồng, bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường nên buộc bị cáo bồi thường.

Ghi nhận: Người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan Tăng Quốc B không yêu cầu H bồi thường lại số tiền 4.500.000 đồng do mua xe mô tô Biển số 69E1-367.73 sau đó bị Cơ quan điều tra thu hồi. Người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan Nguyễn Hữu D1 không yêu cầu H bồi thường lại số tiền 800.000 đồng do mua xe mô tô Biển số 71B3-377.74 sau đó bị Cơ quan điều tra thu hồi.

Đối với số tiền 1.800.000 là tiền thu lợi bất chính do Nguyễn Thanh T2 hưởng lợi từ việc bán xe mô tô Biển số 69E1-367.73 buộc T2 có nghĩa vụ giao nộp để nộp Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 500.000 đồng là tiền thu lợi bất chính do Huỳnh Công N hưởng lợi từ việc bán xe mô tô Biển số 69E1-367.73 buộc N có nghĩa vụ giao nộp để nộp Ngân sách Nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen, model M2101K7BG, đã qua sử dụng (của bị cáo) để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo trước khi bị bắt tạm giam có công việc phụ bán bánh canh ở quán B2 ở phường F, thành phố B với thu nhập mỗi ngày khoảng 200.000 đồng/ngày. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị hại Nguyễn Văn K2 trình bày: việc anh bị mất trộm tài sản như cáo trạng nêu là đúng. Tài sản bị mất không thu hồi được nên anh yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản theo giá trị định giá; về trách nhiệm hình sự anh yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Công N trình bày: Nguyễn Thanh T2 có nhờ anh đi chuộc xe và đem xe đi bán giúp T2, anh không biết nguồn gốc xe nhưng do T2 nhờ thì anh giúp. Trong vụ việc này T2 có cho anh 500.000 đồng khi bán được xe. Anh đồng ý nộp lại số tiền này.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ

quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định, trong khoảng thời gian từ ngày 04/7/2024 đến ngày 17/7/2024 trên địa bàn thành phố B, Nguyễn Văn H thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: ngày 04/7/2024, Nguyễn Văn H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô Biển số 84H1-028.18 có giá trị là 7.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Kiều T tại nhà thờ M ở Tổ N, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Vụ thứ hai: Ngày 05/7/2024, Nguyễn Văn H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô Biển số 68E1-056.71 có giá trị là 4.200.000 đồng của anh Nguyễn Duy K1 tại nhà trọ Số 334E ở khu phố M, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Vụ thứ ba: Ngày 11/7/2024, Nguyễn Văn H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô Biển số 71C-528.44, nhãn hiệu HONDA, số loại: FUTURE, màu trắng có giá trị là 29.400.000 đồng của anh Nguyễn Văn K2 tại nhà trọ tháng Hồng N3 ở Số F, Ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Vụ thứ tư: Ngày 15/7/2024, Nguyễn Văn H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô Biển số 71B3-377.74 có giá trị là 2.500.000 đồng của anh Đoàn Văn T1 tại nhà trọ Số A, khu phố B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Vụ thứ năm: Ngày 17/7/2024, Nguyễn Văn H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô Biển số 69E1-367.73, nhãn hiệu HONDA, số loại: WINNER, màu hồng có giá trị là 10.000.000 đồng của anh Nguyễn Thanh S tại nhà trọ tháng Hồng N3 ở số F, Ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Tổng giá trị tài sản mà H chiếm đoạt của 05 bị hại Nguyễn Thị Kiều T, Nguyễn Duy K1, Nguyễn Văn K2, Đoàn Văn T1 và Nguyễn Thanh S là 53.100.000 đồng.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã một mình cố ý lén lút 05 lần chiếm đoạt tài sản của các bị hại, giá trị tài sản mỗi lần chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt 53.100.000 đồng. Bị cáo đã 05 lần thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra không chứng minh được bị cáo dùng tài sản chiếm đoạt được làm nguồn sống chính nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn

xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa và nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa nhưng lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” và bị cáo thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Có người thân có công với cách mạng” theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có tài sản nên việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là không cần thiết và không khả thi.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Ghi nhận: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giao trả cho: bị hại Đoàn Văn T1 01 (một) xe mô tô Biển số 71B3-377.74, nhãn hiệu LUXARY, màu H, Số loại 110, Số máy: KC26E1172481, Số khung: RLHKC2605GY326312. Trả lại cho bị hại Nguyễn Thanh S 01 (một) xe mô tô Biển số 69E1-367.73, nhãn hiệu HONDA, màu hồng, số loại WINER, Số máy: KC26E1172481, Số khung: RLHKC2605GY326312.

Đối với số tiền 1.800.000 là tiền thu lợi bất chính do Nguyễn Thanh T2 hưởng lợi từ việc bán xe mô tô Biển số 69E1-367.73 buộc T2 có nghĩa vụ giao nộp để nộp Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 500.000 đồng là tiền thu lợi bất chính do do Huỳnh Công N hưởng lợi từ giúp T2 việc bán xe mô tô Biển số 69E1-367.73 buộc N có nghĩa vụ giao nộp để nộp Ngân sách Nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen, model M2101K7BG, đã qua sử dụng của bị cáo để bảo đảm thi hành án.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Thị Kiều T yêu cầu H bồi thường giá trị của xe mô tô Biển số 84H1-028.18 số tiền 7.000.000 đồng; bị hại Nguyễn Văn K2 yêu cầu H bồi thường giá trị của xe mô tô Biển số 71C-528.44 số tiền 29.400.000 đồng; bị hại Nguyễn Duy K1 yêu cầu H bồi thường giá trị của xe mô tô Biển số 68E1-056.71 số tiền 4.200.000 đồng, bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường nên buộc bị cáo bồi thường.

Ghi nhận: Người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan Tăng Quốc B không yêu cầu H bồi thường lại số tiền 4.500.000 đồng do mua xe mô tô Biển số 69E1-367.73 sau đó bị Cơ quan điều tra thu hồi. Người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan Nguyễn Hữu D1 không yêu cầu H bồi thường lại số tiền 800.000 đồng do mua xe mô tô Biển

số 71B3-377.74 sau đó bị Cơ quan điều tra thu hồi. Bị hại T1, bị hại S không yêu cầu bồi thường gì khác.

[9] Đối với Huỳnh Hữu D, Tăng Quốc B mua xe của bị cáo; Nguyễn Thanh T2, Huỳnh Công N nhận bán xe mô tô dùm cho cho bị cáo nhưng anh D, anh T2, Anh N không biết xe Biển số 69E1-367.73 do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh làm rõ đối tượng tên Ba bị cáo khai đã mua tài sản do bị cáo phạm tội mà có và người nam thanh niên đã cầm xe của bị cáo ở tiệm game bắn cá để xử lý theo quy định pháp luật.

[10] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm bị cáo bị kết án và có nghĩa vụ bồi thường nên phải chịu theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2024.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tiếp tục tạm giữ điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen, model M2101K7BG, đã qua sử dụng (của bị cáo) để bảo đảm thi hành án.

Buộc Nguyễn Thanh T2 giao nộp số tiền 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

Buộc Huỳnh Công N giao nộp số tiền 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/12/2024).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường cho Nguyễn Thị Kiều T số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường cho Nguyễn Văn K2 số tiền 29.400.000 (hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn) đồng;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường cho Nguyễn Duy K1 số tiền 4.200.000 (bốn triệu hai trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm 2.020.000 (hai triệu không trăm hai mươi nghìn) đồng. Tổng cộng, bị cáo phải nộp là 2.220.000 (hai triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng

4. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Giao Long; H. Châu Thành, TBT (1b);
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ (10b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình